

Số: 508 /TB-BV

An Giang, ngày 14 tháng 05 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc yêu cầu báo giá cho gói thầu cải tạo, sửa chữa

Kính gửi: Quý Công ty, đơn vị thi công xây dựng tại Việt Nam

Bệnh viện Y dược cổ truyền Kiên Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu dịch vụ: Cải tạo, sửa chữa, chống thấm dột, thay kính cho một số khoa, phòng của bệnh viện thuộc Bệnh viện Y dược cổ truyền Kiên Giang, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y dược cổ truyền Kiên Giang - Địa chỉ: 64 Đồng Đa, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

2. Thông tin liên hệ người tiếp nhận báo giá: Ông Nguyễn Anh Tú – Phó trưởng phòng phụ trách Hành chính - Quản trị, số điện thoại: 0933655835.

3. Cách tiếp nhận báo giá như sau:

Nhận tại địa chỉ: Phòng Hành chính - Quản trị, Bệnh viện Y dược cổ truyền Kiên Giang - Địa chỉ: 64 Đồng Đa, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Chậm nhất đến 09 giờ 00' ngày 22 tháng 05 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 22 tháng 05 năm 2026.

6. Báo giá phải được niêm phong và Bìa thư ghi rõ “Báo giá gói thầu: Cải tạo, sửa chữa, chống thấm dột, thay kính cho một số khoa, phòng của bệnh viện”.

II. Thông tin gói thầu cải tạo, sửa chữa:

Tên gói thầu: Cải tạo, sửa chữa, chống thấm dột, thay kính cho một số khoa, phòng của bệnh viện thuộc Bệnh viện Y dược cổ truyền Kiên Giang.

III. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Phần công việc yêu cầu báo giá cải tạo, sửa chữa:

STT	MSCV	Tên công việc	ĐV Tính	Khối lượng
1	SA.11221	Phá dỡ nền gạch vỡ	m3	21,0150
		Tầng 3:		
		Khu vệ sinh Trục A:		
		3,4 x 2,5 x 0,2 = 1,7		

		$2,0 \times 1,75 \times 0,2 \times 10 = 7$		
		Khu vệ sinh Trục N:		
		$1,9 \times 1,95 \times 0,2 \times 7 = 5,187$		
		Khu vệ sinh Trục Q:		
		$2,8 \times 3,85 \times 0,2 = 2,156$		
		Tầng 4:		
		P. PGĐ: $1,55 \times 3,6 \times 0,2 = 1,116$		
		Khu vệ sinh Trục Q:		
		$2,8 \times 3,85 \times 0,2 = 2,156$		
		Khu vệ sinh Trục A-13:		
		$2,5 \times 3,4 \times 0,2 = 1,7$		
2	SA.11331	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 11\text{cm}$	m3	0,5940
		Hộp gen tầng 3:		
		Hộp gen P209: $0,9 \times 3,3 \times 0,1 = 0,297$		
		Hộp gen tầng 2:		
		Hộp gen P116: $0,9 \times 3,3 \times 0,1 = 0,297$		
3	AA.31222	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, chiều cao $\leq 28\text{m}$	m2	190,4000
		Khu vệ sinh Trục Q: $17,3 \times 4 = 69,2$		
		$11,3 \times 7,6 = 85,88$		
		Úp nóc khu lấy máu: $21,2 \times 0,6 = 12,72$		
		Úp nóc phòng tập: $22,0 \times 0,7 = 15,4$		
		Úp nóc khoa được: $6,0 \times 1,2 = 7,2$		
4	SA.41114	Đục lớp vữa láng sê nô mái, giếng trời	m2	244,5300
		$1,9 \times (14,2 + 30,5) \times 2 = 169,86$		
		$1,9 \times (7,6 + 31,7) = 74,67$		
5	AA.31312	Tháo dỡ kính phản quang bằng thủ công	m2	8,5296
		$0,84 \times 1,64 \times 2 = 2,7552$		
		$0,64 \times 1,47 \times 3 = 2,8224$		
		$1,8 \times 0,82 \times 2 = 2,952$		
6	SA.21711	Tháo dỡ tấm lợp laphong	100m2	1,3518
		Tầng 2:		
		Khu vệ sinh Trục A:		
		$3,4 \times 2,5 / 100 = 0,085$		
		$2,0 \times 1,75 \times 10 / 100 = 0,35$		
		Khu vệ sinh Trục N:		
		$1,9 \times 1,95 \times 7 / 100 = 0,2594$		
		Khu vệ sinh Trục Q:		
		$2,8 \times 3,85 / 100 = 0,1078$		
		Khu vệ sinh Trục A-13:		
		$2,5 \times 3,4 / 100 = 0,085$		
		Tầng 3:		
		$1,55 \times 3,6 / 100 = 0,0558$		
		Khu vệ sinh Trục Q:		
		$2,8 \times 3,85 / 100 = 0,1078$		
		Khu vệ sinh Trục A-13:		
		$2,5 \times 3,4 / 100 = 0,085$		

		Phòng sửa chữa điện nước: $3,6 \times 6,0/100 = 0,216$		
7	SA.11611	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	6,4000
		Tầng 3:		
		Phòng bác sĩ: $1,6 = 1,6$		
		Tầng 4:		
		Phòng máy chủ: $3,2 \times 1,5 = 4,8$		
8	SA.41113	Đục nhám bề mặt dầm, trần bê tông	m2	1,8000
		Phòng hành chính: $6,0 \times 0,3 = 1,8$		
9	SA.11921	Đục nhám mặt tường	m2	217,8150
		Phòng ngâm thuốc:		
		$6,0 \times 1,4 \times 4 = 33,6$		
		$3,6 \times 1,4 \times 2 = 10,08$		
		Khu vệ sinh Trục A:		
		$((3,4 + 2,5) \times 2) \times 1,0 = 11,8$		
		$((2,0 + 1,75) \times 2) \times 1,0 \times 10 = 75$		
		Trừ cửa S1: $-0,6 \times 0,7 \times 10 = -4,2$		
		Khu vệ sinh Trục N:		
		$((1,9 + 1,95) \times 2) \times 1,0 \times 7 = 53,9$		
		Trừ cửa S1: $-0,6 \times 0,7 \times 7 = -2,94$		
		Khu vệ sinh Trục Q:		
		$((2,8 + 3,85) \times 2) \times 1,0 = 13,3$		
		Trừ cửa S1: $-0,6 \times 0,7 \times 2 = -0,84$		
		Tầng 2:		
		Khu vệ sinh 1.15: $((1,55 + 3,6) \times 2) \times 1,0 = 10,3$		
		Trừ cửa S2: $-1,2 \times 0,7 \times 1 = -0,84$		
		P208: $6,95 \times 1,3 = 9,035$		
		Phòng sửa chữa điện nước: $2,0 \times 6,0 = 12$		
		Trừ cửa S3: $-0,85 \times 1,4 \times 2 = -2,38$		
10	AK.21623	Trát tường trong, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PC40	m2	18,7400
		Hộp gen: $3,3 \times 0,9 \times 2 = 5,94$		
		Bảng DT phá: $6,4 = 6,4$		
		Phòng bác sĩ: $1,6 = 1,6$		
		Phòng máy chủ: $3,2 \times 1,5 = 4,8$		
11	SA.11811	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt - tường cột, trụ	m2	44,5800
		Tầng 3:		
		Phòng QLCL Công tác xã hội: $0,2 \times 4,8 = 0,96$		
		Tầng 1:		
		Phòng tài xế: $(3,6 + 3,9) \times 2 \times 3,3 = 49,5$		
		Trừ cửa D2: $-1,4 \times 2,85 = -3,99$		
		Trừ cửa S5: $-1,4 \times 1,35 = -1,89$		
12	SA.11812	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt - xà dầm, trần	m2	72,2400
		Phòng ngâm thuốc: $3,6 \times 6,0 \times 2 = 43,2$		
		Trần phòng tập: $2,5 \times 3,0 \times 2 = 15$		
		Phòng tài xế: $3,6 \times 3,9 = 14,04$		
13	AK.12222	Lợp mái che tường bằng tôn múi (chỉ tính công)	100m2	1,5508

		Khu vệ sinh Trục Q: $17,3 \times 4 / 100 = 0,692$		
		$11,3 \times 7,6 / 100 = 0,8588$		
14	AK.12222	Lợp mái tôn úp nóc, chiều dài bất kỳ	100m ²	0,7032
		Úp nóc khu lấy máu: $21,2 \times 0,6 / 100 = 0,1272$		
		Úp nóc hội trường: $18,0 \times 2,2 / 100 = 0,396$		
		$9,0 \times 0,6 \times 2 / 100 = 0,108$		
		Úp nóc khoa dược: $6,0 \times 1,2 / 100 = 0,072$		
15	AK.12222	Lắp dựng máng xối bằng tôn phẳng	100m ²	0,0960
		$1,2 \times 8,0 / 100 = 0,096$		
16	AI.11121	Gia công vì kèo thép hình khẩu độ nhỏ, khẩu độ $\leq 9m$	tấn	0,1200
		$120 / 1000 = 0,12$		
17	AI.63231	Lắp dựng kính phản quang mặt tiền	m ²	8,5296
		$0,84 \times 1,64 \times 2 = 2,7552$		
		$0,64 \times 1,47 \times 3 = 2,8224$		
		$1,8 \times 0,82 \times 2 = 2,952$		
18	AI.63231	Xử lý thấm vách nhôm	md	22,8000
		Phòng QLCL Công tác xã hội: $4,8 = 4,8$		
		Phòng 8 Từ trường nhiệt: $6 = 6$		
		Khu Dịch vụ lấy máu: $12 = 12$		
19	AK.41123	Láng nền, sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM M75, PC40	m ²	259,5150
		Tầng 3:		
		Khu vệ sinh Trục A:		
		$3,4 \times 2,5 = 8,5$		
		$2,0 \times 1,75 \times 10 = 35$		
		Khu vệ sinh Trục N:		
		$1,9 \times 1,95 \times 7 = 25,935$		
		Khu vệ sinh Trục Q:		
		$2,8 \times 3,85 = 10,78$		
		Tầng 4:		
		P. PGĐ: $1,55 \times 3,6 = 5,58$		
		Khu vệ sinh Trục Q:		
		$2,8 \times 3,85 = 10,78$		
		Khu vệ sinh Trục A-13:		
		$2,5 \times 3,4 = 8,5$		
		Sê nô mái:		
		$1,2 \times (14,2 + 30,5) \times 2 = 107,28$		
		$1,2 \times (7,6 + 31,7) = 47,16$		
20	AK.92111	Quét dung dịch chống thấm mái, sê nô, ô văng	m ²	305,1150
		Bảng diện tích láng nền, sàn: $259,515 = 259,515$		
		Trần vệ sinh Trục Q: $7,6 \times 6 = 45,6$		
21	AK.51220	Lát nền, sàn - Tiết diện gạch $\leq 0,04m^2$, vữa XM M75, PC40	m ²	105,0750
		Tầng 3:		
		Khu vệ sinh Trục A:		

		$3,4 \times 2,5 = 8,5$		
		$2,0 \times 1,75 \times 10 = 35$		
		Khu vệ sinh Trục N:		
		$1,9 \times 1,95 \times 7 = 25,935$		
		Khu vệ sinh Trục Q:		
		$2,8 \times 3,85 = 10,78$		
		Tầng 4:		
		P. PGĐ: $1,55 \times 3,6 = 5,58$		
		Khu vệ sinh Trục Q:		
		$2,8 \times 3,85 = 10,78$		
		Khu vệ sinh Trục A-13:		
		$2,5 \times 3,4 = 8,5$		
22	AE.63114	Xây tường thẳng bằng gạch ống 8x8x19cm - Chiều dày $\leq 10\text{cm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M100, PC40	m3	0,5940
		Hộp gen tầng 3:		
		Hộp gen P209: $0,9 \times 3,3 \times 0,1 = 0,297$		
		Hộp gen tầng 2:		
		Hộp gen P116: $0,9 \times 3,3 \times 0,1 = 0,297$		
23	AK.31170	Ốp tường trụ, cột - Tiết diện gạch $\leq 0,4\text{m}^2$, vữa XM M75, PC40	m2	227,9300
		Hộp gen P209: $0,9 \times 2,0 = 1,8$		
		Hộp gen P116: $0,9 \times 2,0 = 1,8$		
		Tầng 3:		
		Phòng bác sĩ: $1,6 = 1,6$		
		Tầng 4:		
		Phòng máy chủ: $3,2 \times 1,5 = 4,8$		
		Phòng hành chính: $6,0 \times 0,3 = 1,8$		
		Phòng ngâm thuốc:		
		$6,0 \times 1,4 \times 4 = 33,6$		
		$3,6 \times 1,4 \times 2 = 10,08$		
		Trừ cửa S3: $- 0,85 \times 1,4 \times 2 = -2,38$		
		Khu vệ sinh Trục A:		
		$((3,4 + 2,5) \times 2) \times 1,0 = 11,8$		
		$((2,0 + 1,75) \times 2) \times 1,0 \times 10 = 75$		
		Trừ cửa S1: $-0,6 \times 0,7 \times 10 = -4,2$		
		Khu vệ sinh Trục N:		
		$((1,9 + 1,95) \times 2) \times 1,0 \times 7 = 53,9$		
		Trừ cửa S1: $-0,6 \times 0,7 \times 7 = -2,94$		
		Khu vệ sinh Trục Q:		
		$((2,8 + 3,85) \times 2) \times 1,0 = 13,3$		
		Trừ cửa S1: $-0,6 \times 0,7 \times 2 = -0,84$		
		Tầng 2:		
		Khu vệ sinh 1.15: $((1,55 + 3,6) \times 2) \times 1,0 = 10,3$		
		Trừ cửa S2: $-1,2 \times 0,7 \times 1 = -0,84$		
		P208: $6,95 \times 1,4 = 9,73$		
		Phòng sửa chữa điện nước: $2,0 \times 6,0 = 12$		

		Trừ cửa S3: $-0,85 \times 1,4 \times 2 = -2,38$		
24	AK.64320	Thi công trần bằng tấm nhựa khung xương	m2	126,6750
		Tầng 2:		
		Khu vệ sinh Trục A:		
		$3,4 \times 2,5 = 8,5$		
		$2,0 \times 1,75 \times 10 = 35$		
		Khu vệ sinh Trục N:		
		$1,9 \times 1,95 \times 7 = 25,935$		
		Khu vệ sinh Trục Q:		
		$2,8 \times 3,85 = 10,78$		
		Tầng 3:		
		$1,55 \times 3,6 = 5,58$		
		Khu vệ sinh Trục Q:		
		$2,8 \times 3,85 = 10,78$		
		Khu vệ sinh Trục A-13:		
		$2,5 \times 3,4 = 8,5$		
		Phòng sửa chữa điện nước: $3,6 \times 6,0 = 21,6$		
25	AK.82510	Bả bằng bột bả vào tường	m2	10,4200
		Hộp gen: $1,7 \times 0,9 \times 2 = 3,06$		
		Phòng bác sĩ: $1,6 = 1,6$		
		Phòng máy chủ: $3,2 \times 1,5 = 4,8$		
		Phòng QLCL Công tác xã hội: $0,2 \times 4,8 = 0,96$		
26	AK.82520	Bả bằng bột bả vào cột, dầm, trần	m2	72,2400
		Phòng ngâm thuốc: $3,6 \times 6,0 \times 2 = 43,2$		
		Trần phòng tập: $2,5 \times 3,0 \times 2 = 15$		
		Phòng tài xế: $3,6 \times 3,9 = 14,04$		
27	AK.84112	Sơn dầm, trần, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	82,6600
		$10,42 + 72,24 = 82,66$		
28	BB.41102	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 27mm	100m	0,3200
		$32/100 = 0,32$		
29	BB.75101	Lắp đặt côn nhựa PVC miệng bát nối bằng dán keo - Đường kính 27mm	cái	20,0000
		$20 = 20$		
30	BB.75106	Lắp đặt côn nhựa PVC miệng bát nối bằng dán keo - Đường kính 90mm	cái	12,0000
		$12 = 12$		
31	BB.41107	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 90mm	100m	0,3000
		$30/100 = 0,3$		
32	AB.66142	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90	100m3	0,1891
		$105,075 \times 0,18 / 100 = 0,1891$		

- **Ghi chú:** Đơn vị báo giá đầy đủ khối lượng nêu trên và chào rõ chủng loại vật tư, vật liệu.

2. Nội dung Hồ sơ tham dự báo giá:

Quý công ty, đơn vị tham gia báo giá cần đính kèm các tài liệu sau:

- Hồ sơ năng lực của quý công ty, đơn vị.
- Biểu phí thi công xây dựng dự kiến sẽ thực hiện.
- Hiệu lực báo giá (Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 22 tháng 05 năm 2026).
- Thời gian thực hiện và hình thức thanh toán.
- Thông báo giá bằng tiền đồng Việt Nam.

3. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Y dược cổ truyền Kiên Giang - địa chỉ: 64 Đồng Đa, Phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng Thông tin điện tử Bệnh viện;
- Lưu VT, hcqt (03b).



GIÁM ĐỐC

BS. CKII. Hồng Văn Thao

